TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1065/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1626/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 796/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ánh Ng, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đường D, khu phố B, phường PL, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường A, khu phố C, phường PB, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh Ng trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, thành phố Thủ Đức. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu tháng 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân, nhiều lần bà cho ông V cơ hội để vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng đều không

có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/1993 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 29/9/2003, đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà Ng trình bày. Theo ông cuộc sống chung hạnh phúc bình thường, tuy nhiên đôi lúc vợ chồng cũng xảy ra cãi vã nhưng cũng là lẽ thường trong cuộc sống. Ông xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và con còn nhỏ.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/1993 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 29/9/2003, đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh Ng có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị Ánh Ng có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 09/08/1991 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thủ Đức cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Ng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã từ đó làm cho cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà muốn ly hôn. Ông V cho rằng cuộc sống chung có mâu thuẫn nhưng đó là bình thường, ông còn tình cảm và không muốn ly hôn, ông

muốn đoàn tụ gia đình vì con còn nhỏ. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, ông bà hiện vẫn sống ly thân, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng ly thân. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, bà Ng cương quyết không đoàn tụ với ông V vì tình cảm không còn, ông V xác định còn tình cảm nhưng không có hướng giải quyết để vợ chồng đoàn tụ, bà Ng đã cho cơ hội nhưng các bên cũng không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà Ng về việc xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà Bùi Thị Ánh Ng và ông Nguyễn Văn V xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/1993 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 29/9/2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của nguyên đơn về việc ly hôn.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà Ng phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ánh Ng được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/1993 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 29/9/2003, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

2-/ Về án phí: Bà Bùi Thị Ánh Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Ng đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0024812 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, bà Ng đã nộp đủ tiền án phí. Ông V không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.